

Bản án số: 15/2017/DS-ST

Ngày 24-8-2017

“V/v kiện đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà:* Ông Phan Xuân Hoàng

- *Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Quang

2. Bà Bùi Thị Lại

- **Thư ký phiên toà:** Bà Võ Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Cảnh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2017/TLST-DS, ngày 13/3/2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Ph, sinh năm 1970. Có mặt

Địa chỉ: TD3, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắc Nông.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức Th, sinh năm 1981 Có mặt

Địa chỉ: Thôn 2, xã TX, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Hoàng Thị Ng, sinh năm 1978

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ngọc: Ông Trần Ph là chồng chị Ng

(Hợp đồng ủy quyền ngày 22/3/2017). Có mặt

4. *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn T. Có mặt

Địa chỉ: TD3, phường NT, thị xã GN, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Ng, ông Trần Ph trình bày: Do quen biết nhau từ trước ở bên tỉnh Lâm Đồng cùng sang tỉnh Đắc Nông sinh sống, ông và vợ ông là Hoàng Thị Ng có cho anh Nguyễn Đức Th; trú tại thôn 2, xã TX, huyện Đ vay số tiền 115.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu đồng) vào năm 2012, số tiền này ông đưa cho anh Th 02 lần, lần thứ nhất là 70.000.000đ, không viết giấy tờ, lần thứ hai anh Th vay tiếp của ông số tiền 45.000.000đ. Do vay số tiền lớn nên khi cho anh Th vay thì ông

Ph nói anh Th phải viết giấy tờ vay mượn, hai bên thống nhất viết giấy tờ vay mượn tiền, tổng cộng là 115.000.000đ. Ngày vay nợ là ngày 26/11/2012, thời hạn trả nợ vào ngày 26/11/2013 sẽ trả cả gốc và lãi, có người làm chứng là anh Nguyễn Văn T. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng với nhau là 1,5%/tháng. Khi vay anh Th có đưa cho ông Ph 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 736020, thửa đất số: 8, tờ bản đồ số 66, diện tích 4249 m² tại thôn 2, xã TX, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông mang tên Đặng Ngọc L và Đào Thị L do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp năm 2008 và 01 giấy viết tay sang nhượng quyền sử dụng viết tay giữa bên chuyển nhượng là ông Đặng Ngọc L, bà Đào Thị L và bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Đức Th lập ngày 25/9/2007 để làm tin. Đến hạn trả nợ ông Ph yêu cầu anh Th cả gốc và lãi nhưng anh Th không trả nợ, mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Vì vậy, ông Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Đức Th phải trả cho ông 115.000.000đ tiền gốc.

Tại các biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai cũng như các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Đức Th trình bày: Anh Th thừa nhận có nợ ông Trần Ph số tiền 115.000.000đ như trong giấy vay nợ ngày 26/11/2012. Tuy nhiên, nguồn gốc của số nợ là cách đây khoảng 8 năm anh Th có mua của ông Ph 01 lô đất mặt đường dọc QL 1406 mét dài 50 mét tại xã QT, thị xã GN, tỉnh Đắk Nông với giá 60.000.000đ nhưng chưa trả tiền nên viết giấy vay nợ. Đến ngày 26/11/2012 do ông Ph chưa làm được thủ tục để cấp giấy chứng nhận cho tôi nên hai bên thỏa thuận viết lại giấy vay tiền thế chấp sổ đỏ và đất nông nghiệp cả phê. Nay ông Ph khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền gốc và lãi như trên thì anh không đồng ý, lý do nếu ông Ph làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bán cho anh và trả các giấy tờ anh đưa cho ông Ph để làm tin thì anh Đồng ý trả số tiền anh nợ ông Ph là 115.000.000đ.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày: Ông và ông Trần Ph là hàng xóm với nhau, còn anh Th thì ông không biết, ngày 26/11/2012 anh đến nhà ông Ph chơi, thấy có anh Th là người quen của nhà ông Ph đến chơi và vay tiền, ông có chứng kiến việc vay tiền giữa hai bên và có ký vào phần người làm chứng trong giấy vay tiền giữa ông Ph và anh Th, anh khẳng định là anh Th có vay tiền của ông Ph còn số tiền bao nhiêu thì ông không biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Nguyễn Đức Th phải có nghĩa vụ trả số tiền 115.000.000.000đ cho ông Trần Ph, chị Hoàng Thị Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nguyên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Ông Trần Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Đức Th phải trả 115.000.000đ. Hợp đồng giữa ông Ph và anh Th được xác lập vào ngày 26/11/2012, thời hạn trả nợ là hết ngày 26/11/2013, ngày 28/02/2017 ông Ph khởi kiện ra Toà án yêu cầu giải quyết. Do vậy, theo quy định tại Điều 184 BLTTDS thời hiệu khởi kiện đã hết nên xác định đây là quan hệ “*Kiện đòi lại tài sản*” giữa ông Ph và anh Th. Tại điểm b, khoản 3, Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP Nghị quyết hướng dẫn thi hành một số quy định trong phần thứ nhất những quy định chung của bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự quy định: Đối với tranh chấp về đòi lại tài sản thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện

[2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Nguyễn Đức Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn 2, xã TX, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của toà án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[3] Xét hợp đồng vay tài sản và yêu cầu của đương sự: Việc vay tiền giữa ông Trần Ph và anh Nguyễn Đức Th thể hiện qua giấy vay tiền ngày 26/11/2012 có chữ ký của anh Th. Anh Nguyễn Đức Th cũng thừa nhận có giấy vay tiền ngày 26/11/2012, thời hạn trả nợ vào ngày 26/11/2013 và chữ ký trong giấy đúng là chữ ký của anh. Việc vay tài sản giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự (BLDS) quy định: *Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định.* Tuy nhiên đến hạn trả nợ cuối cùng là ngày 26/11/2013 anh Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Ph không khởi kiện anh Th ra Tòa án để yêu cầu trả nợ do vi phạm hợp đồng, đến ngày 28/02/2017 ông Ph mới làm đơn đơn khởi kiện anh Th ra Tòa án nhân dân huyện Đ để yêu cầu anh Th trả nợ. Như vậy, kể từ ngày anh Th vi phạm hợp đồng đến ngày ông Ph khởi kiện là hơn 03 năm 03 tháng nên theo quy định tại điều 427 Bộ luật dân sự 2005 về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng *Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là hai năm, kể từ ngày quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm hại*” và theo quy định tại điều 429 Bộ luật dân sự 2005 về thời hiệu khởi kiện về hợp đồng *Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là ba năm, kể từ ngày quyền lợi ích hợp pháp của cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác bị xâm hại.* Căn cứ vào các quy định trên thì tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông Ph và anh Th đã hết thời hiệu, ông Ph đã mất quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản để yêu cầu anh Th trả gốc và lãi theo hợp đồng, tuy nhiên ông Ph chỉ mất quyền khởi kiện về những quyền phát sinh từ hợp đồng vay tài sản đối với khoản tiền lãi, chứ không mất quyền sở hữu đối với tiền gốc cho vay là 115.000.000đ, theo quy định tại Điều 256 Bộ luật dân sự 2005 quy định về Quyền đòi lại tài sản: *‘Chủ sở hữu, người chiếm hữu hợp pháp có quyền yêu cầu người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc quyền chiếm hữu hợp pháp của mình phải trả lại tài sản đó....’* .

Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph, buộc anh Nguyễn Đức Th phải trả cho ông Trần Ph và chị Hoàng Thị Ng số tiền gốc 115.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Ph khẳng định việc vay tiền giữa ông Ph và anh Th không liên quan đến vợ anh Th. Anh Th cũng thừa nhận việc anh vay tiền của ông Ph không liên quan đến vợ của anh Th là chị Phu Thị H, chị Hương cũng thừa nhận vấn đề trên, nên Tòa không đưa chị H vào tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Đối với việc bị đơn anh Nguyễn Đức Th yêu cầu ông Yêu cầu ông Ph trả lại giấy tờ là 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 736020, thửa đất số: 8, tờ bản đồ số 66, diện tích 4249 m² tại Thôn 2, xã TX, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông mang tên Đặng Ngọc Long và Đào Thị L do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp năm 2008 và 01 giấy viết tay sang nhượng quyền sử dụng viết tay giữa bên chuyển nhượng là ông Đặng Ngọc L, bà Đào Thị L và bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Đức Th lập ngày 25/9/2007. Yêu cầu ông Ph phải sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất có chiều ngang 06m, chiều dài khoảng 40m tại xã Quảng Thành, thị xã GN mà ông Ph đã bán cho anh Th. Đối với các yêu cầu này của bị đơn HĐXX xét thấy đối với việc sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp việc giao nộp, tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải, các thông báo kết quả phiên họp và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng anh Th không yêu cầu phản tố đồng thời các giấy tờ anh Th giao cho ông Ph làm tin không qua thủ tục giao dịch bảo đảm và là giấy tờ không có giá nên không xem xét.

Đối với việc tại phiên tòa anh Th yêu cầu ông Ph phải làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất ông Ph chuyển nhượng cho anh Th tại địa bàn thị xã GN thì anh mới trả số tiền nợ 115.000.000đ cho ông Ph. HĐXX xét thấy quá trình quyết vụ án anh Th không yêu cầu phản tố đối với yêu cầu này, hơn nữa đây là một quan hệ pháp luật khác không liên quan đến vụ án này nên không xem xét. Nếu anh Th có tranh chấp với ông Ph về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì anh Th có quyền khởi kiện ông Ph về một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ là phù hợp nên cần chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc anh Nguyễn Đức Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 184; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 219; Điều 246; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 236/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ph. Buộc anh Nguyễn Đức Th phải trả cho ông Trần Ph, chị Hoàng Thị Ng số tiền 115.000.000đ (*Một trăm mười lăm triệu đồng*).

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền chậm trả.

3. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đức Th phải nộp 5.750.000đ (*Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Ph 2.875.000đ (*Hai triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004056 ngày 13/03/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quna có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ trì phiên họp

(Đã k ý)

Phan Xuân Hoàng